

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/ 12 /2021

V/v: Ly hôn, T/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Việt Cường;

Bà Nguyễn Thị Hạnh .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Tạ Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - Sinh năm 1981

ĐKKHKT: Phố T, phường Đ, thành phố T

Nơi ở hiện nay: xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Văn T – Sinh năm 1982

Địa chỉ: đường N, phố T, phường Đ, thành phố T.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến vợ chồng cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn cũng được hai bên gia

đình nội ngoại hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A sinh ngày 10/01/2006 và cháu Lê Việt A2 sinh ngày 14/8/2015. Ly hôn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Lê Việt A2, còn anh T nuôi cháu Lê Thị Kim A không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, tuy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh T vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A sinh ngày 10/01/2006 và cháu Lê Việt A2 sinh ngày 14/8/2015. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị Kim A nhưng cháu Kim A có nguyện vọng muốn được ở với em nên đề nghị Tòa án đưa ra xét xử. Về cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu Kim A muốn với mẹ thì anh cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con và tài sản, công nợ.

Anh T không đồng ý ly hôn, về con cái, tài sản, công nợ anh thống nhất với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc T theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ hôn nhân gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định, trình tự thụ lý, việc giao nhận

thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho VKS và cho đương sự đúng quy định. Đảm bảo về mặt thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã T theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc T theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/9/2010 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn điều này đã được chị L, anh T và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận. Xét thấy việc xin ly hôn của chị L là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con cái: Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A sinh ngày 10/01/2006 và cháu Lê Việt A2 sinh ngày 14/8/2015. Ly hôn cả chị L và anh T đều thống nhất mỗi người nuôi một cháu, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Việt A2, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Kim A, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con cái nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/9/2010 đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L làm đơn ly hôn anh T không đồng ý. Xét thấy hôn nhân tồn tại được dựa trên tình cảm từ hai phía, vợ chồng phải còn tình cảm, phải có trách nhiệm, quan tâm đến nhau cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh chị không ai quan tâm đến ai, xác định mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn, điều này đã được chị L, anh T và chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác nhận, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh T trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung được chị L làm đơn ly hôn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

[2]. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A sinh ngày 10/01/2006 và cháu Lê Việt A2 sinh ngày 14/8/2015. Ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị Kim A, chị L có nguyện vọng nuôi cháu Lê Việt A2, nhưng qua tham khảo nguyện vọng cháu Kim A có nguyện vọng nếu mẹ nuôi em thì nuôi cả hai chị em nên anh T đề nghị Tòa án đưa ra xét xử. Xét thấy anh T và chị L đều có nguyện vọng nuôi con, vì điều kiện kinh tế, nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi thì không đủ điều kiện nên anh chị thống nhất cháu Kim A hiện nay đã lớn tự lo sinh hoạt cá nhân bản thân cháu được, hiện nay cháu đang học tại thành phố T điều kiện học hành tốt hơn nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Việt A2 hiện nay còn nhỏ, chị L hiện là giáo viên tại huyện N nên có thời gian chăm sóc và dạy bảo cháu, vì vậy nên giao cháu Lê Kim A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Việt A2 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4.]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Lê Thị Kim A sinh

ngày 10/01/2006 và cháu Lê Việt A2 sinh ngày 14/8/2015. Ly hôn. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Việt A2, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Kim A không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: AA/2021 /0001266 ngày 08/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ.

Ng- ời đ- ợc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt